

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH THAM GIA ĐẤU GIÁ. BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY CHỈ MANG TÍNH THAM KHẢO.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA RA CÔNG CHÚNG

TỔ CHỨC CHÀO BÁN:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC



SCIC

Trụ sở: Số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 3824 0703; Fax: 04 6278 0136

Website: www.scic.vn

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Trụ sở: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04 3941 2626; Fax: 04 3934 7818

Website: www.hnx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

Điện thoại: 04 3573 0073; Fax: 04 3573 0088

Website: www.ivs.com.vn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	18.600 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	1.482.110 (Một triệu, bốn trăm tám hai nghìn, một trăm mười) cổ phần
Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá):	14.821.100.000 (Mười bốn tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, một trăm nghìn) đồng
Hình thức chào bán:	Đấu giá trọn lô cổ phần qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Địa chỉ:	Tầng 14, tòa nhà SUDICO, đường Mễ Trì, P.Mỹ Đình, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại:	(84-04) 868 9566/88
Fax:	(84-04) 868 6248

TỔ CHỨC TƯ VẤN:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Địa chỉ:	Tầng 1, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại:	(84-04) 3573 0073
Fax:	(84-04) 3573 0088

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	7
1. Rủi ro về kinh tế:	7
2. Rủi ro về pháp luật:	8
3. Rủi ro đặc thù:	8
4. Rủi ro của đợt chào bán:	9
5. Rủi ro khác:	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước:.....	10
2. Tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa	10
3. Tổ chức tư vấn:	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	11
IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU	12
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN. 13	
1. Giới thiệu về Công ty có cổ phiếu được chào bán:.....	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	13
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:	15
3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý:.....	15
3.2. Diễn giải sơ đồ:	15
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 31/03/2015:	19
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 31/03/2015:19	
4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 31/03/2015:	19
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty:.....	20
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không	20
6. Hoạt động kinh doanh:.....	20
6.1. Sản phẩm chính của Công ty:	20

6.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm:	25
6.3. Nguyên vật liệu:	27
6.4. Chi phí sản xuất:.....	28
6.5. Trình độ công nghệ:	29
6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:.....	31
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:	32
6.8. Hoạt động Marketing:.....	34
6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:	34
6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:.....	35
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất:	37
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất:.....	37
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:	39
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	39
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	39
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	39
9. Chính sách đối với người lao động:.....	41
9.2. Cơ cấu lao động trong công ty tại thời điểm 30/06/2015.....	41
9.3. Chính sách đối với người lao động:	41
10. Chính sách cổ tức:	41
11. Tình hình tài chính:	41
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:	41
11.1.1. Tình hình trích khấu hao TSCĐ:	42
11.1.2. Mức lương bình quân:	42
11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:.....	43
11.1.4. Các khoản phải nộp theo quy định:.....	43
11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định:	43
11.1.6. Tổng dư nợ vay của Công ty:	45
11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay:.....	46

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	48
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:	49
12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:.....	49
12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:.....	54
12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc:	56
12.4. Kế toán trưởng:.....	58
13. Tài sản:.....	59
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo:	65
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:	66
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Không có.	66
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: Không có.....	66
VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	67
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	67
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	67
3. Tổng số cổ phiếu chào bán: 1.482.110 cổ phiếu.....	67
4. Giá khởi điểm: 18.600 đồng/cổ phiếu.....	67
5. Giá trị lô cổ phần chào bán tính theo giá khởi điểm: 27.567.246.000 đồng.....	67
6. Phương thức phân phối:.....	67
7. Thời gian phân phối cổ phiếu:	67
8. Đăng ký mua cổ phiếu:	67
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	67
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không có.....	67
11. Các loại thuế có liên quan: Theo quy định của pháp luật	67
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	67
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	68
IX. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY	68

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/08/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Công văn số 2660/BTC-UBCK ngày 26/02/2015 của Ủy ban Chứng khoán về việc thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 5/6/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu thí điểm bán đấu giá cả lô cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-ĐTKDV ngày 22/07/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa;
- Căn cứ Công văn số 2003/ĐTKDV-QLVĐT1 ngày 22/07/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về đấu giá phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa;
- Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần số 1213/2012/IVS/HĐ-TV ngày 20 tháng 07 năm 2012 giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (IVS) tư vấn bán đấu giá phần vốn của SCIC tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa;

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái. Để hạn chế rủi ro về kinh tế, việc xem xét các thay đổi trong cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa rất quan trọng giúp việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của công ty, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao thường đồng nghĩa với kết quả kinh doanh lạc quan của các chủ thể tham gia nền kinh tế trong đó có hệ thống các doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc các nguồn vốn đầu tư trực tiếp cũng như gián tiếp chảy vào thị trường. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế là nhân tố kích thích sự tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu. Cụ thể năm 2014, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013 đồng thời vượt xa mục tiêu đề ra; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 148 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm 2013. Hoạt động nhập khẩu không những được gia tăng chậm hơn mà còn được kiểm soát, tập trung vào nhóm hàng vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất.

GDP năm 2014 ước tính tăng 5,98%, vượt mục tiêu tăng trưởng đề ra so với năm 2013 là 5,8% của Quốc hội và dự báo của nhiều tổ chức trong nước và quốc tế. Năm 2014, GDP phục hồi tích cực với tốc độ tăng dần qua các quý. Cụ thể GDP quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng mạnh 6,96%. Lạm phát năm 2014 thấp nhất trong 13 năm kể từ năm 2001 khi chỉ tăng 1,84% so với cùng kỳ. Năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng khoảng 0,15%, CPI tăng mạnh nhất trong quý I và quý III và thấp nhất (âm) trong quý IV.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,36%, đóng góp 0,42 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,09%, đóng góp 2,98 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,90%, đóng góp 2,22 điểm phần trăm.

Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam năm 2014 và nửa đầu năm 2015 là ổn định và phát triển với tăng trưởng GDP vượt mức dự kiến, các chỉ số sản xuất và phát triển doanh nghiệp vững mạnh, lạm phát thấp. Đối với Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa, sự lạc quan về kinh tế và ý thức về sức khỏe của người dân ngày càng cao sẽ tác động mạnh đến sự phát triển của ngành dược và thiết bị y tế, cũng như thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa ngày càng tốt hơn. Đồng thời, việc tình hình kinh tế năm 2014 nêu trên và những chuyển biến tích cực của nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2015 là một cơ hội tốt cho Công ty trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đề ra.

1.2 Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh

trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nói riêng.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Xu hướng chủ chốt của lãi suất trong năm 2014 là giảm dần về cuối năm, mặt bằng lãi suất giảm 1,5-2%/ năm so với cuối năm 2013. Ngoài ra, mặt bằng lãi suất cho vay trong 6 tháng đầu năm 2015 nhìn chung khá ổn định. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 7-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3 -11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với các lĩnh vực ưu tiên, mặt bằng lãi suất phổ biến ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn và 9-10%/năm cho trung và dài hạn. Lãi suất cho vay USD không đổi, ở mức quanh 3 – 5,5% trong ngắn hạn và 5,5 – 6,7% trung và dài hạn.

Đối với Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa, trong ba năm gần đây từ 2012-2014 Công ty tiếp tục có các khoản vay nợ ngắn và dài hạn trên 149 tỷ đồng và có xu hướng tăng dần trong giai đoạn. Vì thế việc nền kinh tế vĩ mô ổn định và lãi suất giảm trong 3 năm liên tiếp là cơ hội cho Công ty tiếp cận với nguồn vốn ngắn hạn với lãi suất thấp để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

1.3 Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài, do đó chịu sự tác động trực tiếp từ việc biến động tỷ giá. Khi tỷ giá hối đoái biến động nó sẽ tác động đến kim ngạch xuất nhập khẩu, đến cơ cấu hàng hóa nhập khẩu và giá cả của các nguồn nguyên liệu nhập khẩu, từ đó ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán và giá thành sản phẩm.

Nhìn chung, thị trường ngoại hối trong năm 2014 ghi nhận sự ổn định của tỷ giá hối đoái. Về cơ bản, biên độ dao động của tỷ giá USD/VND trong 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 được co hẹp và duy trì ổn định, nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Đây là một trong những điểm thuận lợi cho Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa khi mà phần lớn các nguyên liệu, hóa chất để sản xuất thuốc của Công ty đang được nhập khẩu từ thị trường nước ngoài.

2. Rủi ro về pháp luật:

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyên đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa phải chịu sự chi phối của pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành.
- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Các văn bản trên đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn và các thông lệ quốc tế, theo đó mọi sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù:

✚ *Rủi ro cạnh tranh:*

Việt Nam đang dần thực hiện các cam kết theo lộ trình WTO, tạo cơ hội cho sự xâm nhập của các doanh nghiệp dược nước ngoài mở rộng cơ sở sản xuất và mạng lưới kinh doanh, phân phối. Cùng với hàng trăm công ty dược nội hiện có với đại lý phân phối dược phẩm và thiết bị y tế rộng khắp cả nước, sự cạnh tranh trong cả sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế đang trở nên ngày càng gay gắt. Do đó, bên cạnh việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, các yếu tố về công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm, sự ra đời của sản phẩm mới và mở rộng mạng lưới phân phối cần được Công ty đặc biệt chú trọng trong chiến lược sản xuất kinh doanh của mình.

✚ *Rủi ro hàng giả, hàng nhái:*

Dược phẩm bị làm nhái, làm giả là vấn đề đã được quan tâm từ lâu. Việc sản phẩm của Công ty bị làm nhái, kém chất lượng trên thị trường không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng mà còn ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu cũng như doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Bộ Y tế, Cục Sở hữu trí tuệ và các cơ quan chức năng ngày đang đưa ra các văn bản pháp quy nhằm bảo vệ người tiêu dùng và các doanh nghiệp ngành Dược. Điều này sẽ góp phần hạn chế và giảm thiểu rủi ro do hàng giả, hàng nhái gây nên.

✚ *Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:*

Nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng giá. Do đó, việc gia tăng chi phí đầu vào sẽ ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của sản phẩm của Công ty trên thị trường cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD nói chung.

4. *Rủi ro của đợt chào bán:*

Công ty chào bán cổ phần trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi; Rủi ro từ đợt chào bán là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

5. *Rủi ro khác:*

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người, công trình thi công và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước:

Bà Nhữ Thị Hồng Liên Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Quyết định số: 368/QĐ-ĐTKDV ngày 16/07/2014 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phân công công tác và phân cấp quyết định của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và tài liệu do Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa cung cấp. Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa

Đại diện theo Pháp luật: **Bà Phạm Thị Hồng** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là chính xác, trung thực và đầy đủ. Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn:

Đại diện theo Pháp luật: **Ông Đoàn Ngọc Hoàn** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa cung cấp.

Bản cáo bạch này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình, Tổ chức tư vấn (IVS) và cổ đông bán vốn (SCIC) không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	: Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa
CTCP	: Công ty cổ phần
HDQT	: Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
SCIC	: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
UBND	: Ủy ban Nhân dân
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Giới thiệu về tổ chức thực hiện chào bán cổ phiếu:

- Tên tổ chức đăng ký chào bán: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC.**
- Tên giao dịch: **STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION**
- Tên viết tắt: **SCIC**
- Vốn điều lệ: 19.000.000.000.000 (Mười chín nghìn tỷ đồng).
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23 tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4)3 824 0703 Fax: (84-4)6 278 0136
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và quản lý vốn đầu tư vào các lĩnh vực theo nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao; Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh vốn.
- Sản phẩm, dịch vụ chính: Đầu tư và kinh doanh vốn vào các ngành, lĩnh vực đem lại hiệu quả kinh tế cao; Cung cấp các dịch vụ tư vấn: đầu tư, tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 08 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin.

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2010.

Ngày 01/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP quy định chức

năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

3. **Mối quan hệ với Công ty có cổ phiếu được chào bán:** Cổ đông lớn.

4. **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 21,82%.

5. **Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu:** 100%.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Giới thiệu về Công ty có cổ phiếu được chào bán:

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA**
- Tên giao dịch: **THANH HOA MEDICAL MATERIALS PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **THEPHACO**
- Vốn điều lệ: 67.930.410.000 (Sáu mươi bảy tỷ chín trăm ba mươi triệu bốn trăm mười nghìn đồng).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 232 Trần Phú, Phường lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
- Điện thoại: (84-3)73. 852286 Fax: (84-3)73. 855209
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2800231948 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2002, thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 05 năm 2014.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các mặt hàng thuốc đông dược, tân dược: kinh doanh thuốc tân dược, cao đơn hoàn tán, kinh doanh hoá chất dược dụng, hoá chất xét nghiệm, mỹ phẩm, kinh doanh sản xuất, sửa chữa thiết bị vật tư y tế; Kinh doanh thuốc nam, bắc; kinh doanh nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thiết bị vật tư y tế; Kinh doanh thiết bị khoa học kỹ thuật, vật tư dân dụng, văn phòng phẩm công nghệ phẩm; Đầu tư hoạt động phòng khám đa khoa – phòng mạch; Sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng.
- Sản phẩm, dịch vụ chính: Hiện nay, Công ty có 256 sản phẩm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành trên toàn quốc. Sản phẩm của Công ty phong phú về chủng loại, gồm 2 nhóm: nhóm thuốc tân dược và nhóm thuốc đông dược.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 10/04/1961, Công ty được thành lập theo QĐ 760/TCCB-QĐ của Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa – Quốc Doanh Dược phẩm.
- Ngày 04/01/1963: nâng cấp xưởng sản xuất của Quốc Doanh Dược phẩm thành Xí nghiệp Dược phẩm trực thuộc Quốc Doanh Dược phẩm.
- Ngày 09/03/1967: tách Xí nghiệp Dược phẩm từ Quốc Doanh Dược phẩm thành Xí nghiệp Dược phẩm Thanh Hóa.
- Ngày 16/05/1976: UBND tỉnh quyết định tách Trạm thu mua dược liệu thuộc Quốc Doanh

Dược phẩm thành lập Công ty Dược liệu và Công ty Dược phẩm.

- Năm 1979: nhập trở lại thành Công ty Dược Thanh Hóa.
- Tháng 05/1983: Tỉnh Thanh Hóa bổ nhiệm ông Lương Văn Sơn làm Giám đốc Công ty;
- Ngày 07/05/1997: Hợp nhất Công ty Thiết bị Vật tư Y tế vào Công ty Dược Thanh Hóa thành Công ty Dược thiết bị Vật tư Y tế Thanh Hóa.
- Ngày 20/01/1998: Hợp nhất Xí nghiệp Dược phẩm và Công ty Dược thiết bị Vật tư Y tế Thanh Hóa thành Công ty Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa.
- Ngày 01/01/2001: tách Cửa hàng Thiết bị Vật tư Y tế cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Thiết bị Vật tư Y tế.
- Ngày 01/12/2002: Theo QĐ số 3664/QĐ-CT, ngày 05/11/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cổ phần hóa Công ty Dược Vật tư Y tế thành Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa. Và Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần cho tới nay.
- Quá trình tăng vốn của Công ty từ sau khi chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
		(VNĐ)	(VNĐ)		(như nội dung thể hiện tại báo cáo tăng vốn)
1	31/10/2002		14.500.000.000		(cổ phần hóa)
2	31/05/2005	1.262.220.000	15.762.220.000	Phát hành cho cổ đông chiến lược	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2005
3	31/05/2007	23.426.620.000	39.188.840.000	Cổ phiếu thường, bán cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và phát hành cho CBCNV	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 11/05/2007
4	02/02/2009	1.200.000.000	40.388.840.000	Phát hành cho cổ đông chiến lược	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2009
5	31/10/2010	27.542.410.000	67.931.250.000	Cổ phiếu thường, bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán cho CBCNV	Giấy chứng nhận số 679/UBCK-GCN ngày 21/09/2010 chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa)

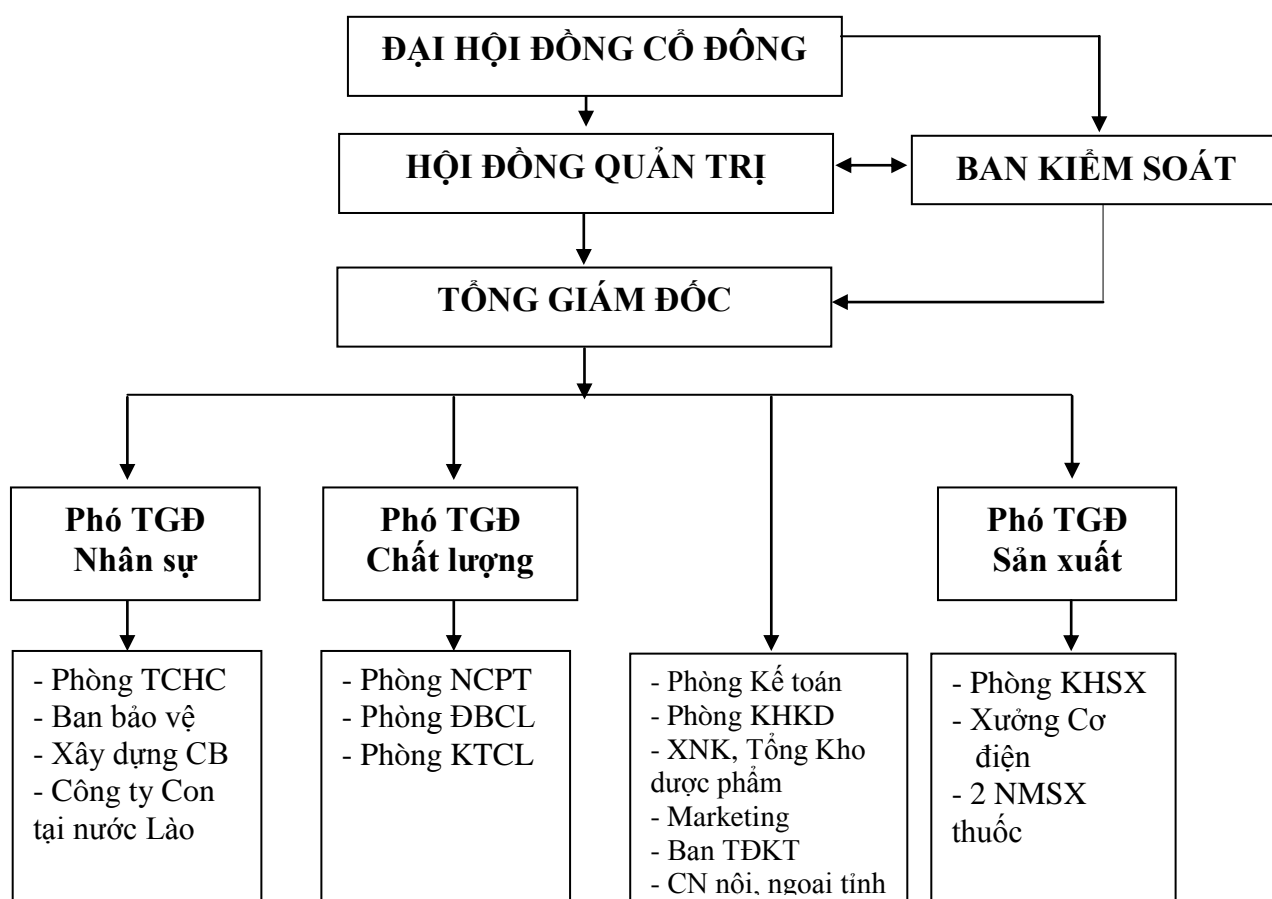
- Đến cuối năm 2007 Công ty đăng ký và được UBCK Nhà Nước chấp thuận là Công ty Đại chúng.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý:

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.

Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty.



3.2. Diễn giải sơ đồ:

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Mức cổ tức thanh toán hàng năm; Số lượng thành viên của HĐQT; Lựa chọn Công ty kiểm toán; Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, và báo cáo tiền thù lao của HĐQT; Bổ sung

và sửa đổi Điều lệ Công ty; Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập; Chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế khác của Công ty.

3.2.2.Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT gồm năm (05) người. Nhiệm kỳ của HĐQT và thành viên HĐQT là 05 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT phải là cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp pháp cho mỗi pháp nhân, sở hữu hoặc đại diện quyền sở hữu của ít nhất 0,38% tổng số cổ phần phổ thông..

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của ĐHCĐ quy định. Cụ thể HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ chính sau: Quyết kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua; Bổ nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng ban, Giám đốc nhà máy, giám đốc chi nhánh hoặc chức vụ tương đương và quyết định mức lương của họ. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ của Công ty và quy định của Pháp luật.

3.2.3.Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cho cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát gồm từ ba (03) thành viên.

Ban kiểm soát sẽ có quyền và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm như sau: Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty; Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

3.2.4.Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc và ba (03) Phó Tổng Giám đốc do hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có các quyền hạn và trách nhiệm sau đây: Thực

hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua; Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Bổ nhiệm, bãi nhiệm phó phòng ban, tổ trưởng sản xuất và các chức vụ tương đương và quyết định mức lương của họ. Tuyển dụng các lao động không phải là cán bộ quản lý, quyết định mức lương của họ theo quy định của pháp luật và nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT.

3.2.5. Các phòng, ban và đơn vị kinh doanh:

Các phòng, ban quản lý thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả. Công ty có các phòng, ban sau:

- Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong về: Tổ chức bộ máy và mạng lưới; Quản trị nhân sự; Quản trị văn phòng và Công tác bảo vệ, an toàn và vệ sinh môi trường.
- Phòng Kế hoạch kinh doanh: Tham mưu cho Tổng Giám đốc về: Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty; Công tác đầu tư và quản lý dự án đầu tư; Tham mưu cho Tổng giám đốc về nghiệp vụ kinh doanh; Hỗ trợ kinh doanh cho các Chi nhánh trong Công ty và Trực tiếp kinh doanh các mặt hàng lớn
- Phòng Marketing: thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường; chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ, tìm kiếm đối tác; thực hiện liên doanh, liên kết, mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa và phát triển kinh doanh xuất, nhập khẩu.
- Phòng Nghiên cứu phát triển: Thực hiện chức năng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu sử dụng các hoạt chất để sản xuất thuốc, công thức sản phẩm, quy trình sản xuất thuốc, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến áp dụng vào sản xuất thuốc tại dây chuyền hiện có của Công ty.
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu: Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Phòng Kế hoạch sản xuất: Thực hiện tham mưu cho Ban Lãnh đạo công ty xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn, tìm hiểu khai thác thị trường, đầu tư phát triển sản xuất, liên doanh liên kết trong và ngoài Công ty.
- Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực Tài chính
 - Kế toán - Tín dụng của Công ty: Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong Công ty; Kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty; Quản lý chi phí của Công ty và Thực hiện công tác thanh tra tài chính các

đơn vị trực thuộc Công ty.

- Phòng Đảm bảo chất lượng, Kiểm tra chất lượng: Quản lý, kiểm tra và kiểm soát chung tình hình chất lượng sản phẩm, và báo cáo cho Tổng Giám đốc về tình hình chất lượng sản phẩm;
- Tổng Kho Dược phẩm: Thực hiện nhiệm vụ lưu trữ, bảo quản thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và thiết bị y tế phục vụ cho các Nhà máy và cho kinh doanh của Công ty.
- Có 31 Chi nhánh nội tỉnh và 4 chi nhánh ngoại tỉnh: thực hiện kinh doanh sản phẩm của Công ty sản xuất, sản phẩm của các Doanh nghiệp trong nước và nhập khẩu.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 31/03/2015:

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 31/03/2015:

TT	Họ và tên	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ (Cp)	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/09/2014.	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	1.482.110	21,82%
Tổng cộng				1.482.110	21,82%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 31/03/2015:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	1.179	6.793.041	100,00%
	Tổ chức	3	1.718.060	25,29%
	Cá nhân	1.176	5.074.981	74,71%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	0,00%
	Tổ chức	-	-	0,00%
	Cá nhân	-	-	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	0,00%
Tổng cộng		1.179	6.793.041	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Lường Văn Sơn	P.Đông Thọ, Tp.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	44.251	0,65%
2	Lê Minh Bản	P.Trường Thi, Tp.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	13.447	0,20%
3	Phạm Thị Hồng	P.Ba Đình, Tp.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	44.251	0,65%
4	Đoàn Công Cường	P.Đông Vệ, Tp.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	25.120	0,37%
5	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	1.482.110	21,82%

(Nguồn: Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của CTCP Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không

6. Hoạt động kinh doanh:**6.1. Sản phẩm chính của Công ty:****✚ Các nhóm sản phẩm chính của Công ty:**

Hiện nay, Công ty có 256 sản phẩm dược Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành trên toàn quốc. Sản phẩm của Công ty phong phú về chủng loại, gồm các nhóm:

- *Nhóm thuốc tân dược:* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: dung dịch thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên nang cứng, thuốc bột và thuốc cốm; Thuốc kháng sinh nhóm Penicilin: viên nén, viên bao phim, viên nang cứng, thuốc bột và thuốc cốm.

- *Nhóm thuốc đông dược :* Thuốc từ dược liệu: cao đặc, cao khô, thuốc viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên hoàn cứng, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc cao lỏng, dung dịch uống, xi rô thuốc, cốm thuốc, chè thuốc. Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: thuốc nước dùng ngoài, dầu gió.

✚ Đặc điểm về sản phẩm của Công ty:

Công ty có nền tảng về kỹ thuật và thế mạnh trong sản xuất các sản phẩm thuốc tân dược và đông dược.

Sản phẩm có thế mạnh của Công ty là dòng sản phẩm kháng sinh Non – β lactam dòng Penicilin và thuốc cảm sốt như Paracetamol.

Thuốc đông dược có thế mạnh điển hình là ống uống bổ dưỡng BIOFIL và phong tê thấp

và ống uống bổ dưỡng BIOFIL sản xuất từ nguyên liệu thiên nhiên sẵn có trong nước.

Thuốc Hyđan được sản xuất từ nguồn nguyên liệu thiên nhiên sẵn có trong tỉnh và trong nước, được ứng dụng kỹ thuật bào chế tiên tiến và sản xuất trên dây chuyền hiện đại, với công dụng điều trị viêm đa khớp dạng thấp, đau nhức xương khớp, đau dây thần kinh liên sườn, đau lưng, đau vai gáy. Hyđan là thuốc chống viêm, giảm đau, không gây kích ứng dạ dày, ít độc với gan, thận, với những đặc điểm này thuốc Hyđan đã có mặt trên thị trường cả nước, đoạt giải thưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật VIFOTEC năm 2003 và cúp vàng ISO năm 2005, giải thưởng Khoa học kỹ thuật Quốc tế lần thứ 11 tại Kurlalumpur-Malaysia.



Cũng từ nguyên liệu thiên nhiên và công nghệ sinh học, Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hoá đã nghiên cứu, sản xuất sản phẩm thuốc ống uống bổ dưỡng BIOFIL. Thuốc BIOFIL được bào chế từ sinh khối nấm men bia *Saccharomyes carlsbergensis*, bằng phương pháp thủy phân enzym Thuốc có nhiều acid amin và vitamin nhóm B. BIOFIL được dùng cho người làm việc nặng nhọc, mất ngủ, kém ăn, trẻ em chậm lớn, người mới ốm dậy. Thuốc BIOFIL đã đoạt giải thưởng VIFOTEC năm 2002, Huy chương đồng hội chợ kinh tế kỹ thuật SEOUL Hàn Quốc năm 2004, được Bộ Y tế tôn vinh và trao giải thưởng "Ngôi sao thuốc Việt" năm 2014. Với chất lượng cao, hiệu quả điều trị tốt, giá thành hợp lý, nên trong nhiều năm qua thuốc ống uống Biofil đã người sử dụng tin dùng. Hiện nay BIOFIL đạt 25 triệu ống/năm, là một trong số thuốc ống uống có sản lượng cao trên toàn quốc.

Ngoài ra, sản phẩm của Công ty còn đáp ứng tương đối đầy đủ danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y tế ban hành, có khả năng cạnh tranh trên thương trường ở từng phân khúc thị trường.

Các nhóm sản phẩm được sản xuất dưới nhiều dạng bào chế: viên nén, viên nang cứng, viên bao phim, viên bao đường, viên hoàn cứng, thuốc bột, thuốc bột pha hỗn dịch, sirô ... với nhiều quy cách đóng gói khác nhau như đóng chai, gói, ép vỉ, Mẫu mã bao bì được thiết kế độc đáo, hấp dẫn, đảm bảo yêu cầu bảo quản chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên nén bao phim:
 Amoxicilin trihydrat
 (Tương đương Amoxicilin khan).....875 mg
 Kali clavulanat
 (Tương đương Acid clavulanic).....125 mg
 Tã đượcvừa đủ.....1 viên



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên:
 Clindamycin.....150 mg
 Tã được vd.....1 viên



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên nén:
 Chymotrypsin4,2 mg
 (Tương đương với 21 microkatal
 hoặc 4200 USP chymotrypsin unit)
 Tã đượcvừa đủ1 viên



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên nén
 Paracetamol.....400 mg
 Clorpheniramin maleat.....2 mg
 Tã được.....vd.....1 viên



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên nén:
 Paracetamol 500 mg
 Cafein 65 mg
 Tã đượcvd..... 1 viên



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên nén :
 Paracetamol 500 mg
 Tã được vừa đủ 1 viên

SẢN PHẨM THUỐC VIÊN



THÀNH PHẦN: Cho 1 ống x 3 ml.
 Paracetamol.....450 mg
 Lidocain hydroclorid monohydrat.....30 mg
 Tã được.....vđ.....3 ml



THÀNH PHẦN: Mỗi ống 2ml chứa:
 Furosemid20 mg
 Tã đượcvđ.....2 ml



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên nén:
 Tobramycin.....80 mg
 Tã đượcVừa đủ2 ml



THÀNH PHẦN: Cho 1 ống x 2 ml.
 Amikacin.....500 mg
 Tã đượcvừa đủ.....2 ml



THÀNH PHẦN:
 Mỗi lọ 15 ml chứa: Natri clorid 0,033 g;
 Borneol, acid boric, natri borat, benzalkonium clorid,
 ethanol 96%, nước cất (tã được) vừa đủ.....15 ml



THÀNH PHẦN: Cho 1 lọ x 5 ml
 Tobramycin sulfat tương ứng
 Tobramycin.....15 mg
 Tã được.....vừa đủ.....5 ml

**SẢN PHẨM THUỐC TIÊM
 THUỐC NHỎ MẮT**



THÀNH PHẦN: Cho 1 túi

Ích mẫu	1,86 g
Ngải cứu	1,50 g
Hương phụ chế	3,00 g
Đương quy	0,48 g
Tá dược	vđ 6,00 g



THÀNH PHẦN: Cho 1 viên:

Đan sâm (<i>Radix Slaviae miltiorrhzae</i>).....	140 mg
Đương quy (<i>Radix Angelica sinensis</i>).....	90 mg
Nhũ hương (<i>Gummi resina olibanum</i>).....	45 mg
Một dược (<i>Myrrha</i>).....	45 mg
Tá dược.....	vđ..... 1 viên



THÀNH PHẦN: Cho 1 túi

Bột Mã tiên chế.....	20 mg
Cao đặc Hy thiêm (độ ẩm 20%).....	12 mg
Độc hoạt.....	12 mg
Đồ trọng.....	16 mg
Xuyên khung.....	8 mg
Đương quy.....	16 mg
Tế tân.....	6 mg
Tân giao.....	12 mg
Phòng phong.....	12 mg
Ngưu tất.....	12 mg
Quế chi.....	6 mg
Tá dược	Vừa đủ..... 1 viên



THÀNH PHẦN:

Thực địa.....	540 mg
Bạch thực chế	200 mg
Trạch tả	200 mg
Bạch linh chế	200 mg
Đương quy chế	200 mg
Thào quyết minh chế.....	260 mg
Hoài sơn chế	260 mg
Son thù chế	260 mg
Tật lê chế	200 mg
Kỳ tử.....	200 mg
Cúc hoa.....	200 mg
Mẫu đơn bì.....	200 mg
Tá dược.....	vđ..... 4 gam

SẢN PHẨM THUỐC ĐÔNG DƯỢC

6.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm:**Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm của Công ty:***Đơn vị: đồng*

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng 2015	
		Doanh Thu	%	Doanh Thu	%	Doanh Thu	%	Doanh Thu	%
I	Doanh thu thành phẩm	241.622.586.482	29,3	262.770.428.856	32,3	354.551.100.365	48,4	190.509.515.632	53,5
1	Nhóm thuốc ống	18.662.767.565	2,3	25.856.114.287	3,2	38.481.091.117	5,3	26.792.892.110	7,5
2	Nhóm thuốc viên Blactam	45.045.970.341	5,5	46.430.231.734	5,7	70.482.913.453	9,6	33.543.913.968	9,4
3	Nhóm thuốc viên Non - Blactam	169.159.482.386	20,5	169.504.377.121	20,8	205.044.980.297	28,0	81.145.915.416	22,8
4	Nhóm Thuốc đông dược	8.754.366.190	1,1	20.979.705.714	2,6	40.542.115.498	5,5	49.026.794.138	13,8
II	Doanh thu hàng hóa	583.993.900.939	70,7	550.715.400.140	67,7	378.063.898.196	51,6	165.436.341.582	46,5
Tổng Cộng		825.616.487.421	100	813.485.828.996	100	732.614.998.561	100	355.945.857.214	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa)

Về cơ cấu các nhóm sản phẩm trong doanh thu thành phẩm của Công ty, nhóm thuốc viên Non-Blactam vẫn là sản phẩm mang lại nguồn doanh thu lớn nhất cho Công ty, tuy có dấu hiệu tăng dần về giá trị, nhưng về tỷ trọng trên doanh thu thuần thì nhóm sản phẩm này luôn mang lại trên 20% tổng doanh thu thuần của Công ty. Ngoài ra, nhóm Thuốc đông dược ngày càng có biến chuyển tích cực về mặt giá trị và tỷ trọng. Điều này được lý giải là do Công ty đang tập trung nghiên cứu và phát triển các nhóm sản phẩm này, đồng thời nhóm sản phẩm này có nhiều sản phẩm được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng như: viên Phong tê thấp Hydan, viên hoàn sáng mắt, ích mẫu hoàn,...

Ngoài ra, tuy tổng doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm trong cả giai đoạn 2012-2014, nhưng doanh thu thành phẩm của Công ty có xu hướng tăng cả về mặt giá trị và tỷ trọng trong cùng kỳ và tiếp tục biến động tương tự trong 6 tháng đầu năm 2015. Tính đến thời điểm 31/12/2014, doanh thu sản phẩm do Công ty sản xuất đạt trên 354 tỷ đồng, chiếm tới 48,4% tổng doanh thu thuần và tiếp tục gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2015 khi chiếm tới 53,5% tổng doanh thu thuần. Cho thấy Công ty đang dần tập trung vào nhóm sản phẩm mà Công ty sản xuất và điều này càng được thể hiện rõ nét khi theo dõi cơ cấu lợi nhuận của Công ty cùng giai đoạn.

Cơ cấu lợi nhuận sau thuế tính trên doanh thu thuần theo sản phẩm của Công ty:

Đơn vị: đồng

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng 2015	
		Lợi nhuận	%	Lợi nhuận	%	Lợi nhuận	%	Lợi nhuận	%
I	Lợi nhuận thành phẩm	4.344.469.320	0,53	4.431.455.288	0,54	7.489.464.808	1,02	4.445.425.788	1,25
1	Nhóm thuốc ống	325.463.910	0,04	432.065.837	0,05	805.254.865	0,11	758.054.861	0,21
2	Nhóm thuốc viên Blactam	801.123.298	0,10	782.005.175	0,10	1.480.057.624	0,20	836.947.448	0,24
3	Nhóm thuốc viên Non - Blactam	3.020.455.563	0,37	2.835.584.953	0,35	4.335.324.158	0,59	1.566.777.618	0,44
4	Nhóm Thuốc đông dược	197.426.549	0,02	381.799.323	0,05	868.828.161	0,12	1.283.645.861	0,36
II	Lợi nhuận hàng hóa	8.467.911.564	1,03	5.553.964.810	0,68	4.347.734.829	0,59	2.414.799.193	0,68
Tổng Cộng		12.812.380.884	1,55	9.985.420.098	1,23	11.837.199.637	1,62	6.860.224.981	1,93

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa)

Nhìn chung, lợi nhuận của Công ty có biến động giảm trong năm 2013, nhưng có dấu hiệu tăng dần trở lại trong giai đoạn tiếp theo. Điều này được lý giải là do, nhóm hàng hóa là các sản phẩm không phải do Công ty sản xuất tuy vẫn giữ tỷ trọng doanh thu cao tới 67,7% trong năm 2014, nhưng lợi nhuận từ nhóm sản phẩm này mang lại ngày càng giảm chỉ đạt 0.68% trên doanh thu, trong khi năm trước đó con số này là 1,03%. Bên cạnh đó, lợi nhuận từ thành phẩm đến từ các sản phẩm do Công ty sản xuất lại có tỷ trọng trên doanh thu thuần tăng liên tục trong suốt giai đoạn từ năm 2012-6 tháng đầu năm 2015. Trong đó, nhóm thuốc viên Non-Blactam là nhóm có tỷ trọng lợi nhuận trên doanh thu thuần cao nhất trong nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất trong cả giai đoạn. Tuy nhiên, tương tự như sự tăng trưởng của doanh thu thuần nhóm sản phẩm thuốc đông dược, lợi nhuận từ nhóm này mang lại cũng có dấu hiệu tăng về cả giá trị lẫn tỷ trọng. Đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2015, lợi nhuận từ nhóm này mang lại đã đạt trên 1,3 tỷ đồng (cao hơn lợi nhuận của chính nhóm này trong cả năm 2014) và tỷ trọng trên doanh thu thuần đạt 0.36%.

Có thể nhận thấy tương tự cơ cấu doanh thu thuần thì cơ cấu lợi nhuận theo nhóm sản phẩm của Công ty cũng khẳng định Công ty đang dần tập trung vào nhóm sản phẩm Công ty sản xuất. Điều này thể hiện rõ nét khi lợi nhuận của nhóm sản phẩm Công ty sản xuất có biến động tăng cả về mặt giá trị lẫn tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận. Tính chung trong cả giai đoạn 2012-2014, lợi nhuận từ nhóm sản phẩm Công ty sản xuất trung bình chiếm tới 47,2% tổng lợi nhuận và có biến động tăng về tỷ trọng trong tiếp 6 tháng đầu năm 2015. Đây là cơ sở khẳng định định hướng tập trung vào nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất là chiến lược đúng đắn của

Công ty trong suốt thời gian qua. Bởi đây là nhóm sản phẩm này Công ty có thể chủ động về nguồn và giá cả, đồng thời có giá trị giá tăng cao.

6.3. Nguyên vật liệu:

- Nguồn nguyên vật liệu:

+ Nguyên liệu, hóa chất : Công ty hiện đang nhập khẩu chủ yếu từ các nhà cung cấp từ Trung Quốc, Ấn Độ. Ngoài ra, hiện tại Công ty có nhập khẩu nguyên liệu thuốc tiêm từ các nước Châu Âu.

+ Bao bì: Hiện tại, bao bì đều được Công ty đặt mua các nhà sản xuất bao bì trong nước. Tuy nhiên, những nguyên liệu để sản xuất các bao bì trực tiếp với thuốc (PVC, Màng nhôm, ống tiêm, lọ nhựa) vẫn được nhập khẩu. Ngoài ra, bao bì ngoài (giấy) của các sản phẩm của Công ty phần lớn là sản xuất trong nước.

- Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

+ Nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc nhìn chung không ổn định về giá, cũng có một số nguyên liệu không ổn định về chất lượng, do các nhà cung cấp Trung Quốc hay thay đổi chính sách bán hàng. Các nguồn cung cấp khác là khá ổn định, nhưng giá cả cao hơn so với nguyên liệu được sản xuất và cung cấp từ các nhà cung cấp tại Trung Quốc.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

+ Nguyên liệu chiếm tỷ trọng trên 60% so với giá thành, nên khi nguyên liệu biến động tăng sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận, nếu không điều chỉnh tăng giá bán.

6.4. Chi phí sản xuất:

Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu thuần của Công ty trong giai đoạn từ năm 2012-6 tháng năm 2015:

Chi phí	2012		2013		2014		6 tháng 2015	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT %	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT %	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT %	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng/ DTT %
Giá vốn hàng bán	696.905.238.447	84,4	689.966.842.942	84,8	606.020.881.263	82,7	288.058.580.982	80,9
Chi phí tài chính	13.481.177.348	1,6	9.931.032.704	1,2	14.373.754.664	2,0	5.684.644.122	1,6
Chi phí lãi vay	12.848.624.328	1,6	9.865.843.188	1,2	12.825.789.189	1,8	5.647.624.534	1,6
Chi phí bán hàng	87.749.452.159	10,6	86.671.305.137	10,7	83.032.700.087	11,3	45.103.230.841	12,7
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.177.526.386	2,0	15.285.406.924	1,9	16.472.526.872	2,2	9.408.129.418	2,6
Tổng cộng	814.313.394.340	98,6	801.854.587.707	98,6	719.899.862.886	98,3	348.254.585.363	97,9

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng năm 2015 chưa kiểm toán - CTCP Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

Khoản mục giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cả giai đoạn 2012-2014, trung bình đạt hơn 664 tỷ đồng, chiếm 85,31% tổng chi phí đồng thời chiếm tới 83,98% doanh thu thuần của Công ty trong cùng kỳ. Giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng của Công ty giảm trong giai đoạn nguyên nhân là do sự sụt giảm tương ứng của doanh thu thuần của Công ty trong cùng kỳ. Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty biến động cùng chiều với giá vốn hàng bán của Công ty trong cả giai đoạn, điều này hoàn toàn hợp lý khi mà doanh thu bán hàng của Công ty đang giảm đi tương ứng trong cùng kỳ.

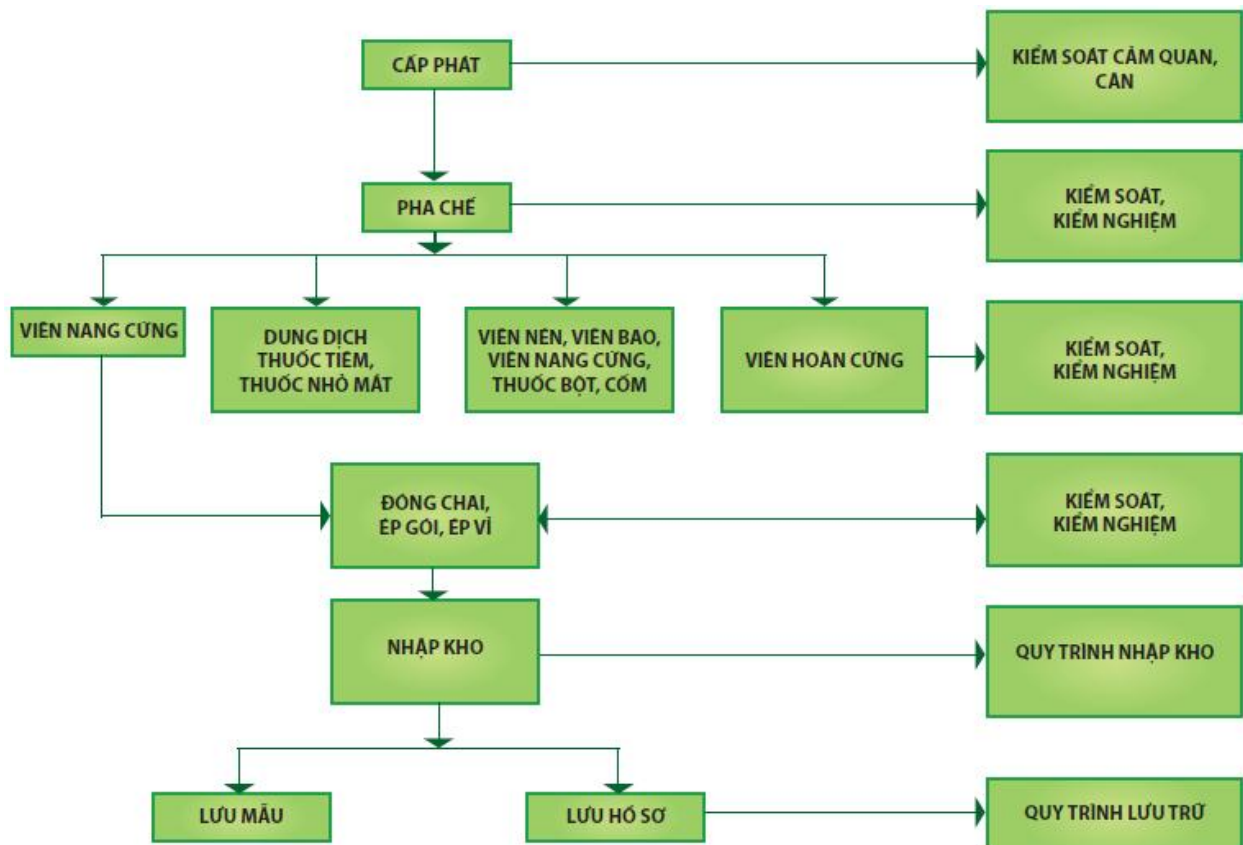
Ngoài ra, khoản mục chi phí tài chính của Công ty trong đó chi phí lãi vay chiếm xấp xỉ 95% khoản mục này là khoản mục đáng chú ý trong giai đoạn 2012-2014. Công ty luôn có các khoản vay ngắn hạn các ngân hàng thương mại nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty trong thời gian ngắn và các khoản vay dài hạn từ cán bộ công nhân viên nhằm đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm thiết bị (chi tiết tại Mục 11.1.6. Tổng dư nợ vay của Công ty). Trong khi tổng dư nợ vay của Công ty có biến động tăng trong suốt giai đoạn thì chi phí lãi vay của Công ty lại có biến động tăng giảm không đều. Điều này được giải thích do biến động về lãi suất cho vay của ngân hàng trong cùng thời kỳ. Trong năm 2013, khoản vay của Công ty tuy không có sự biến

động giảm về giá trị, tuy nhiên cùng trong năm 2013, lãi suất cho vay của Ngân hàng được điều chỉnh giảm 2-3% so với cùng kỳ năm trước, cho nên chi phí lãi vay trong năm của Công ty có biến động giảm. Tiếp tục trong năm 2014, để phục vụ hoạt động kinh doanh Công ty đã phải tăng các khoản vay ngắn hạn lên tới hơn 154 tỷ đồng khiến tổng dư nợ vay của Công ty đạt trên 189 tỷ đồng, điều này làm chi phí lãi vay trong năm của Công ty tăng ngược trở lại.

6.5. Trình độ công nghệ:

- Tất cả thuốc do Công ty sản xuất đều áp dụng qui trình, công nghệ hiện đại và được thực hiện tại 02 nhà máy sản xuất thuốc Tân dược và Đông dược đạt tiêu chuẩn WHO – GMP. Hệ thống dây chuyền sản xuất được bố trí khép kín, với các máy móc thiết bị được trang bị mới 100% và nhập khẩu từ nước ngoài có tính tự động hóa cao như : Máy sản xuất viên hoàn cứng liên động, máy sản xuất thuốc tiêm liên động, máy đóng nang tự động, máy bao đường và bao phim tự động, máy điều chế khí nitơ, máy ép vỉ tự động, máy cô cao bằng kỹ thuật vi sóng ...
- Công nghệ sản xuất thuốc bao gồm các công đoạn (như sơ đồ)

SƠ ĐỒ QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ:



☞ Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên quan đến khoa học- công nghệ gồm:

- Nghiên cứu sản phẩm mới có hiệu lực điều trị cao, tạo thương hiệu sản phẩm có sức cạnh tranh

trên thị trường trong và ngoài nước.

- Đầu tư công nghệ sản xuất mới trên dây chuyền SX hiện đại nhằm tạo ra năng suất chất lượng trong quá trình sản xuất.
- Đầu tư phòng Kiểm tra chất lượng, phòng Nghiên cứu phát triển để kiểm tra và nghiên cứu đánh giá chất lượng sản phẩm.
- Công tác sở hữu trí tuệ trong đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm được thực hiện hầu hết đối với tất cả các sản phẩm của Công ty.
- Đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa trong sản xuất kinh doanh luôn được triển khai hàng năm.
- Công tác đào tạo nâng cao trình độ cho lực lượng cán bộ kỹ thuật và công nhân luôn thực hiện theo định kỳ hàng năm.

☛ Thực tế đầu tư áp dụng khoa học – công nghệ của Công ty trong những năm qua.

- Đầu tư nhà máy Tân dược tại số 4 – Quang Trung gồm:
 - + Đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc Tân dược non betalactam: 26 tỉ đồng
 - + Đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc betalactam dòng penicilin: 11 tỉ đồng
 - + Đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc tiêm – thuốc nhỏ mắt: 23 tỷ đồng
- Đầu tư nhà máy sản xuất thuốc Đông dược tại khu công nghiệp Tây Bắc Ga: 75 tỉ đồng.
- Xây dựng phòng kiểm tra chất lượng, với thiết bị hiện đại trị giá 5 tỷ đồng
- Đầu tư phòng nghiên cứu phát triển đi vào hoạt động tháng 10/2014 với giá trị 10 tỉ đồng.

Kinh phí đầu tư cho các hoạt động trên được lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và vay Ngân hàng. Một số mặt hàng được sự hỗ trợ kinh phí khoa học kỹ thuật như: ống uống bổ dưỡng Biofil, viên bao tròn hydán 500 và viên, bột, cốm Bioamin.

☛ Công tác nghiên cứu khoa học qua các năm đạt được kết quả khả quan, cụ thể như sau:

- Hàng năm công ty có trên 70 đề tài, sáng kiến được áp dụng vào trong sản xuất kinh doanh với tổng số tiền thưởng 60 triệu đồng/ năm.
- Ứng dụng công nghệ bào chế tiên tiến, hiện đại vào trong sản xuất thuốc: Công nghệ bao màng mỏng, công nghệ bao đường tự động, công nghệ dập thẳng không qua tạo hạt ướt.
- Hàng năm, các tá dược mới tiên tiến trên thế giới đã được nghiên cứu áp dụng cho các sản phẩm nhằm đạt độ ổn định chất lượng
- Các đề tài được ứng dụng vào trong sản xuất và đoạt giải VIFOTEC:
 - * Nghiên cứu sử dụng sinh khối nấm men bia (của nhà máy bia Thanh Hóa) để sản xuất thuốc Biofil uống quy mô công nghiệp
 - * Ứng dụng công nghệ mới sản xuất thuốc viên Hydán 500 phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu
 - * Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm bổ dưỡng dạng viên và thuốc bột từ sinh khối nấm men bia

đông khô tại công ty cổ phần Dược VTYT Thanh Hóa, năm 2009 và 2014

* Áp dụng công nghệ tiên tiến bào chế thuốc chống viêm Seratiopeptidase tại Công ty cổ phần Dược VTYT Thanh Hóa

Riêng ông uống Biofil được Huy chương đồng tại Hội chợ kinh tế kỹ thuật Seoul Hàn Quốc năm 2004 trở thành niềm tự hào của Dược Thanh Hoá phần đầu những năm tới sản xuất 30 triệu ông/ năm tương ứng với doanh thu 60 tỉ đồng/ năm. Viên Hyđan 500 được huy chương đồng tại triển lãm Khoa học kỹ thuật quốc tế tổ chức tại Malaysia 2010 là mặt hàng có thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam.

Hàng năm Công ty triển khai nghiên cứu và đưa vào sản xuất từ 5 đến 7 sản phẩm mới gồm các loại thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, thuốc viên, thuốc đông dược.

☛ **Một số giải pháp của Công ty về đầu tư hoạt động Khoa học và công nghệ trong thời gian tới.**

- Hoàn chỉnh các thủ tục để đăng ký Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ để tranh thủ các chính sách ưu đãi của Nhà nước trong hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Trong đó tập trung cho dự án cấp Quốc gia về nâng cấp chất lượng biofil và Hyđan để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

- Xem xét việc trích quỹ cho hoạt động khoa học công nghệ theo qui định của Luật khoa học và công nghệ;

- Phát triển nguồn dược liệu để phục vụ nguyên liệu cho sản xuất thuốc Đông dược trên cơ sở nuôi trồng đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, chọn lọc nguồn gen dược liệu chủ đạo và tạo vùng đất thổ nhưỡng phù hợp cho trồng dược liệu phục vụ các mặt hàng chiến lược của Công ty. Trước mắt tập trung cho dự án cấp Tỉnh về trồng hy thiêm và ích mẫu đạt tiêu chuẩn GACP để làm mô hình nhân rộng cho các dược liệu khác;

- Đầu tư cải tạo công nghệ xử lý chất thải và hệ thống cây xanh khuôn viên xung quanh khu vực sản xuất

- Đầu tư thử tương đương sinh học cho một số sản phẩm thuốc có giá trị cao: Thuốc hạ nhiệt giảm đau (Paracetamol) , thuốc điều trị tim mạch (Amlodipin), thuốc điều trị tiểu đường, kháng sinh.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, Công ty luôn chú trọng quan tâm đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Công ty luôn được thực hiện theo một quy trình kiểm soát nghiêm ngặt từ khâu nghiên cứu khảo sát thị trường, nghiên cứu thử nghiệm các loại thuốc đến các khâu thiết kế bao bì sản phẩm sao cho phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng và mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

Phòng Nghiên cứu phát triển (R&D) của Công ty được hình thành từ rất sớm để thực hiện chức năng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu sử dụng các hoạt chất để sản xuất thuốc, công thức sản phẩm, quy trình sản xuất thuốc, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến áp dụng vào sản xuất thuốc tại dây chuyền hiện có của Công ty. Phòng được trang bị các thiết bị hiện đại cùng với đội ngũ nghiên cứu có trình độ, giàu kinh nghiệm và sáng tạo là nền tảng cho sự phát triển sản phẩm mới của Công ty.

Hàng năm Công ty đưa thị trường khoảng 5 - 7 sản phẩm mới và được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành từ 5 – 10 sản phẩm, riêng năm 2014 Công ty đã đưa ra thị trường 10 sản phẩm mới và được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành 10 sản phẩm.

Định hướng nghiên cứu sản phẩm trong thời gian tới: Căn cứ vào định hướng phát triển ngành dược Việt Nam của Chính phủ trong giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn 2030; Mục tiêu phát triển ngành dược của Bộ Y tế ; Căn cứ thiết bị, công nghệ hiện có, và nhu cầu thị trường ; Công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm sẽ tập trung vào các vấn đề sau :

☞ **Đối với sản phẩm thuốc Tân dược:**

- Nâng cấp chất lượng các sản phẩm hiện có, trước mắt tập trung nâng cấp các sản phẩm có giá trị sản lượng lớn , đáp ứng đầy đủ các sản phẩm thuộc danh mục thuốc thiết yếu theo Thông tư 31: 1143.
- Triển khai nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thuốc generic từ các sản phẩm phát minh và /hoặc thuốc biệt dược gốc vừa mới hết hạn bảo hộ độc quyền.
- Tập trung nghiên cứu, bàn giao các sản phẩm có yêu cầu công nghệ bào chế phức tạp, đòi hỏi kỹ thuật cao và ít đối thủ cạnh tranh như sự kết hợp Amoxicilin+Clavulanat, Alphatrymotrypsin, Amoxicilin+Bromhexin, Cinnarizin+piracetam, paracetamol+Methionin; Sản phẩm chứa hoạt chất hóc môn như Methylprednisolon, Prednisolon , Dexamethason.; Các sản phẩm có doanh thu lớn của các hãng như : Atovastatin, celecoxid, montekast ...
- Tiếp thu bàn giao công nghệ từ hàng sản xuất nhượng quyền, dự án
- Tiến hành thử tương đương sinh học ít nhất 02 sản phẩm trong năm 2015 - 2016.

☞ **Đối với sản phẩm thuốc Đông dược:**

- Tập trung nghiên cứu các sản phẩm có giá trị và tác dụng rõ ràng dựa vào các nhóm thuốc sau: Tiêu đường, mỡ máu, trĩ, hoạt huyết, bổ tỳ, rụng tóc, tiền mãn kinh ...;
- Triển khai dự án nuôi trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP tại Tỉnh Thanh Hóa;
- Lập dự án nâng cấp sản phẩm để thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt - ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, Công ty luôn lấy “chất lượng- niềm tin”; “ an toàn, hiệu quả” làm cam

kết cao nhất”. Vì vậy trong nhiều năm qua, Công ty đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với các chuẩn mực của khu vực và quốc tế; nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tạo ra thương hiệu cho Công ty và tạo thế cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

Hệ thống Quản lý Chất lượng của Công ty được bố trí đủ năng lực, thẩm quyền để giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong hoạt động Quản lý Chất lượng. Cơ cấu tổ chức, nhận sự của hệ thống Quản lý Chất lượng Công ty bao gồm từ lãnh đạo đến các quản lý phòng, ban trực tiếp và nhân viên IPC, tổ trưởng sản xuất tại nhà máy sản xuất. Trong nhiều năm qua hệ thống Quản lý Chất lượng đã phát huy hiệu quả trong việc triển khai và duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn GPs.

Trực tiếp quản lý, giám sát quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty gồm các bộ phận QA, QC, R&D và các Ban hỗ trợ chất lượng như: Ban SOP; Ban Thẩm định- kiểm soát sự thay đổi; Ban Đào tạo; Ban Tự thanh tra.

Các tài liệu của hệ thống Quản lý Chất lượng luôn được cập nhật kịp thời, đầy đủ, bao đó là những căn cứ xuyên suốt trong hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng của Công ty

Công tác kiểm tra chất lượng được giao cho Phòng Kiểm tra Chất lượng – GLP (QC) đảm nhiệm vì vậy Công ty đã quân tâm đầu tư đầy đủ các thiết bị phân tích hiện đại, đủ khả năng để kiểm tra 100% các lô mẻ nguyên vật liệu trước khi nhập kho cho sản xuất, các sản phẩm trong quá trình sản xuất và trước khi xuất xưởng được kiểm tra chặt chẽ theo tiêu chuẩn đã đăng ký. Với đội ngũ nhân viên thường xuyên tiếp cận với tri thức mới và được trang bị những thiết bị phân tích hiện đại, chính xác như máy sắc ký lỏng HPLC, máy quang phổ UV-VIS, v.v... nhằm đảm bảo chỉ có những sản phẩm đạt chất lượng cao đến tay người tiêu dùng. Hàng năm phòng kiểm tra chất lượng thực hiện kiểm tra và trả lời chính xác từ 4000 đến 5000 mẫu, đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và đúng chất lượng qui định.

Công tác kiểm soát, đảm bảo chất lượng do phòng Đảm bảo Chất lượng (QA) chịu trách nhiệm, trên cơ sở phối hợp nhiều bộ phận, phòng ban trong hệ thống Quản lý Chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn đạt yêu cầu trong quá trình sản xuất, bảo quản và lưu thông phân phối. Theo đó QA chỉ cho nhập kho nguyên vật liệu khi kiểm tra đạt chất lượng và chỉ xuất xưởng sau khi xử lý các thông tin liên quan đến chất lượng lô mẻ sản xuất và phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu; thực hiện đánh giá, báo cáo chất lượng sản phẩm hàng năm; quản lý rủi ro và phòng ngừa các nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Bộ phận R&D ngoài trách nhiệm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào sản xuất thuốc của Công ty còn trực tiếp tham gia kiểm tra chất lượng sản phẩm thông qua công tác đánh giá nhà cung cấp nguyên vật liệu, độ ổn định sản phẩm và phát hiện các nguy cơ không đảm bảo chất lượng trong thực hiện qui trình sản xuất.

Với hoạt động kiểm tra, kiểm soát chất lượng như trên, trong nhiều năm qua chất lượng sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo ổn định và được các Cơ quan quản lý chất lượng cũng như người tiêu dùng tin cậy. Góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển và phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tới.

6.8. Hoạt động Marketing:

Công ty đã và đang triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến các hoạt động phát triển thị trường, các chương trình chăm sóc khách hàng, các chương trình bán hàng; Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của chi nhánh trong việc thực thi các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách xúc tiến, hỗ trợ kinh doanh đảm bảo hàng được bán đúng giá, đúng địa bàn, đúng chính sách quy định.

6.9. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Lô gô của Công ty hiện nay đang sử dụng: Số bảo hộ nhãn hiệu: 122072 Cấp năm 2009 do cục sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp.



6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

- Các hợp đồng lớn được ký kết với các Nhà cung cấp của Công ty trong thời gian gần đây:

TT	Tên nhà cung cấp	Loại hàng	Giá trị (Triệu VND)	Số Hợp đồng
1	Chi nhánh CTCP TRAPHACO - tại Thanh Hóa	Thuốc dược phẩm	5.100	088-2014/HĐKT
2	Chi nhánh CTCP Y Dược phẩm VIMEDIMEX - tại Hà Nội	Thuốc dược phẩm	5.600	167-2014/HĐKT
3	Công ty TNHH Dược phẩm Bình Châu	Thuốc dược phẩm	5.800	008-2014/HĐKT
4	Chi nhánh CTCP Dược DANAPHA - tại Thanh Hóa	Thuốc dược phẩm	6.000	014-2014/HĐKT
5	CTCP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Thuốc dược phẩm	10.300	026-2014/HĐKT
6	CTCP Dược Mỹ phẩm TENAMYD	Thuốc dược phẩm	10.700	019-2014/HĐKT
7	CTCP PYMEPHARCO	Thuốc dược phẩm	11.500	052-2014/HĐKT
8	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Đức	Thuốc dược phẩm	14.800	058-2014/HĐKT
9	Công ty TNHH Dược Tân Long	Thuốc dược phẩm	22.500	060-2014/HĐKT
10	CTCP Dược - TBYT Bình Định	Thuốc dược phẩm	39.200	007-2014/HĐKT

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa)

- Các hợp đồng cung cấp sản phẩm của Công ty trong thời gian gần đây:

TT	Tên khách hàng	Giá trị (Triệu VNĐ)	Số Hợp đồng	Năm thực hiện
1	Bệnh viên Đa khoa Khu vực Tĩnh Gia - Thanh Hóa	8.341	017/DTH-CSKCB	2014
2	Bệnh viên Đa khoa Huyện Thọ Xuân - Thanh Hóa	8.464	035/DTH-CSKCB	2014
3	Bệnh viên Đa khoa Huyện Nga Sơn - Thanh Hóa	8.641	029/DTH-CSKCB	2014
4	Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	8.760	004/DTH-CSKCB	2014
5	Bệnh viên Đa khoa Thiệu Hóa - Thanh Hóa	8.785	022/DTH-CSKCB	2014
6	Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành - Thanh Hóa	8.895	021/DTH-CSKCB	2014
7	Bệnh viên Đa khoa Huyện Bá Thước - Thanh Hóa	9.415	024/DTH-CSKCB	2014
8	Bệnh viên Đa khoa Vĩnh Lộc	9.864	041/DTH-CSKCB	2014
9	Bệnh viện phổi Thanh Hóa	1.169	006/DTH-CSKCB	2014
10	Bệnh viên Đa khoa Ngọc Lặc	12.864	018/DTH-CSKCB	2014
11	Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa	24.615	005/DTH-CSKCB	2014
12	Bệnh viên Đa khoa Tĩnh Thanh Hóa	40.013	001/DTH-CSKCB	2014

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất:**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất:****- Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	% tăng giảm 2013/2014
Tổng tài sản	397.428.480.994	413.726.779.658	423.964.730.229	2,47%
Doanh thu thuần	826.133.538.761	813.971.943.885	732.736.764.254	-9,98%
Lợi nhuận từ HĐKD	13.583.563.304	12.259.721.910	13.352.814.258	8,92%
Lợi nhuận trước thuế	17.063.084.511	13.556.569.253	15.054.473.894	11,05%
Lợi nhuận sau thuế	12.812.380.884	9.985.420.098	11.837.199.637	18,54%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	90,13%	95,24%	80,34%	-15,64%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014 của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:**Thuận lợi**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được sự quan tâm giúp đỡ của UBND tỉnh Thanh Hóa, các sở ban ngành trong địa bàn tỉnh đặc biệt là Sở y tế tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ sở vật chất, hệ thống máy móc thiết bị ngày càng được hoàn thiện và đầu tư tốt hơn, nhà xưởng sản xuất thuốc và lưu thông phân phối đều đạt chuẩn GMP-WHO, GSP, GLP, nhiều sản phẩm được cấp lại và cấp mới.
- Thương hiệu Thephaco (Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Thanh Hóa) được khẳng định trên thị trường. Công ty có bề dày trong việc sản xuất thuốc tân dược, với hơn 80 mặt hàng được tiêu thụ trên thị trường được đông đảo bạn hàng và người tiêu dùng tín nhiệm.
- Bộ máy quản lý và điều hành của Công ty đoàn kết nhất trí. Công ty phát huy được thương hiệu trên thị trường nội tỉnh và ngoại tỉnh.
- Công ty có cơ chế quản lý rõ ràng, tạo được sự chủ động cho các chi nhánh, đơn vị, xí nghiệp và hệ thống cửa hàng kinh doanh dược phẩm. Mạng lưới bán buôn và bán lẻ trong địa bàn Tỉnh Thanh Hóa ổn định, phát triển, thị trường ngoại tỉnh được mở rộng phù hợp với sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khó khăn

- Áp lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng lớn ở cả thị trường nội

và ngoại tình.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu sản xuất tân dược, phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu, do vậy Công ty gặp không ít khó khăn trong việc thu mua nguyên liệu đầu vào cũng như sự chủ động nguyên liệu sản xuất. Mặt khác, việc nhập khẩu nguyên liệu chịu tác động rất lớn từ việc biến động tỷ giá, điều này đã tác động trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Nguồn nhân lực, hiện nay trong Công ty đang thiếu dược sỹ có trình độ cao , mặc dù Công ty có chính sách ưu đãi nhưng vẫn không tuyển dụng được.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Thị trường Dược Việt Nam vẫn liên tục tăng trưởng kể cả trong thời kỳ kinh tế diễn biến khó khăn. Một số doanh nghiệp dược nổi bật trên thị trường như: Công ty cổ phần Dược Hậu Giang, Dược phẩm Traphaco ... Nếu xét trong giai đoạn 2012-2014, lợi nhuận sau thuế trung bình của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa đạt được xấp xỉ 11,3 tỷ đồng. Có thể thấy, quy mô lợi nhuận sau thuế của Công ty còn khá khiêm tốn so với các doanh nghiệp cùng ngành. Mặc dù vậy, tình hình hoạt động của Công ty khá ổn định, bức tranh tài chính an toàn, sẽ là động lực để Công ty phát triển hơn nữa trong tương lai.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam được đánh giá là một thị trường dược phẩm hấp dẫn với các đặc điểm quy mô dân số khá lớn, tăng nhanh và ý thức bảo vệ sức khỏe của người dân ngày càng được nâng cao. Việt Nam xếp thứ 13/175 thế giới về tốc độ tăng trưởng ngành dược, bình quân khoảng 17-20%/năm giai đoạn 2009-2013, cao hơn mức 10-14% của các nước đang phát triển và 2% của thế giới. Về dài hạn, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành dược Việt Nam giai đoạn 2014-2017 được dự báo ở mức 15,5%/năm. Ngoài ra, mặc dù thuộc nhóm 3 (nhóm nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất) trong số 17 các quốc gia có ngành công nghiệp dược đang phát triển trên thế giới nhưng chỉ tiêu thuốc bình quân đầu người vẫn đang ở mức thấp. Nhận thấy, đây chính là cơ hội phát triển cho ngành dược trong thời gian tới.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Hiện tại, chính phủ chủ trương gia tăng tỷ lệ thuốc sản xuất trong nước. Theo phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Hội nghị Thương mại & Phát triển Liên Hợp Quốc (UNCTAD), Việt Nam xếp thứ 3/4 về mức độ phát triển của ngành công nghiệp dược. Tức là chỉ dừng ở việc có nền công nghiệp dược nội địa, có sản xuất thuốc generic, xuất khẩu được một số sản phẩm so với mức độ cao nhất (mức độ 4) là sản xuất dược nguyên liệu và phát minh thuốc mới. Sản phẩm nội địa chủ yếu vẫn là thuốc generic, giá trị thấp và tập trung ở các dòng thuốc thông thường. Phân khúc các sản phẩm đặc trị, chuyên khoa còn kém phát triển bởi trình độ phát triển của ngành dược Việt Nam chưa cao. Do đó, sản xuất thuốc trong nước hầu như chỉ mới đáp ứng được phân nửa nhu cầu tiêu dùng, phần còn lại phải thông qua nhập khẩu.

Ngày 10/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 68/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam giai đoạn đến 2020. Định hướng ưu tiên phát triển ngành dược nội địa lại một lần nữa được đề cập với mục tiêu đưa tỷ lệ thuốc sản xuất trong nước trên tổng giá trị thuốc từ 50% như hiện tại lên 80% trong 2020. Trong đó thuốc từ dược liệu chiếm 30%. Dù thách thức là không nhỏ nhưng cũng có thể xem đây là cơ hội cho các công ty dược trong nước.

Khi nền kinh tế Việt Nam những năm sắp tới phục hồi, thì ngành dược nói chung và Công ty nói riêng sẽ phát huy tốt hơn khả năng hoạt động của mình. Kể cả trong trường hợp kinh tế

tiếp tục bất ổn, ngành dược vẫn là một trong những ngành phòng thủ, bởi bản chất sản phẩm đặc thù và thiết yếu của mình. Do đó, việc Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa tiếp tục đầu tư nhà máy, phát triển sản phẩm, là bước đi đúng đắn, đem lại lợi ích dài hạn cho các cổ đông.

9. Chính sách đối với người lao động:**9.2. Cơ cấu lao động trong công ty tại thời điểm 30/06/2015**

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ lao động		
	Trên Đại học và Đại học	211	21,84%
	Cao đẳng và trung cấp	579	59,94%
	Công nhân kỹ thuật	176	18,22%
2	Phân theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	753	77,95%
	Lao động gián tiếp	213	22,05%
	Tổng cộng	966	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

9.3. Chính sách đối với người lao động:

Chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể của Công ty như: Hợp đồng lao động, quyền lợi của người lao động, việc làm và đảm bảo việc làm, quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, quy định chế độ đào tạo, chính sách lương, thưởng, kỷ luật...

Thỏa ước lao động tập thể 3 năm được xây dựng mới và hàng năm có bổ sung.

10. Chính sách cổ tức:

Trong những năm vừa qua, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty luôn duy trì ổn định và phát triển, vì vậy HĐQT Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
2012	17%	Tiền mặt
2013	14%	Tiền mặt
2014	14%	Tiền mặt

(Nguồn: Nghị quyết đại hội đồng cổ đông các năm 2013, 2014 và 2015 của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa)

11. Tình hình tài chính:**11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **2800231948** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2002; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21 tháng 05 năm 2014, Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa là **67.930.410.000** đồng (Sáu mươi bảy tỷ, chín trăm ba mươi triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tương ứng 6.793.041 cổ phần và mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

11.1.1. Tình hình trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được áp dụng theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được Công ty ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Máy móc thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-06 năm

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán – Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa)

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
tại thời điểm 30/06/2015

TT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	253.625.968.551	113.370.694.160	140.255.274.391
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	108.653.172.381	29.584.563.907	79.068.608.474
2	Máy móc thiết bị	127.815.940.955	74.889.183.732	52.926.757.223
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	17.013.869.807	8.804.689.336	8.209.180.471
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	142.985.408	92.257.185	50.728.223
II	Tài sản cố định vô hình	3.987.726.565	96.045.285	3.891.681.280
1	Quyền sử dụng đất	3.851.726.565	-	3.851.726.565
2	Bảng quyền, bằng sáng chế	136.000.000	96.045.285	39.954.715
III	Tổng cộng	257.613.695.116	113.466.739.445	144.146.955.671

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

11.1.2. Mức lương bình quân:

Mức thu nhập bình quân của CBCNV trong Công ty luôn được điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBCNV đồng thời thu hút nhân tài cho Công ty và gắn kết lâu dài với Công ty.

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	2012	2013	2014
Thu nhập bình quân	4.950.000	5.065.000	5.170.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay của Công ty.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo quy định:

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo các quy định của Nhà nước. Chi tiết số dư các khoản phải nộp theo quy định của Công ty trong thời kỳ 2012-6 tháng 2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	(1.503.381)	-	265.447.927	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	(722.959.773)
3	Thuế xuất, nhập khẩu	40.731.887	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.590.020.174	1.308.601.165	1.602.522.982	1.307.935.252
5	Thuế thu nhập cá nhân	40.582.390	27.381.131	49.724.764	74.446.028
Tổng cộng		1.669.831.070	1.335.982.296	1.917.695.673	659.421.507

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng năm 2015 chưa kiểm toán - CTCP Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định:

Các quỹ khác trích từ lợi nhuận do HĐQT trình ĐHCĐ quyết định như: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Tình hình số dư các quỹ 03 năm gần đây:

Đơn vị: đồng

Nội dung trích lập	2012	2013	2014
Quỹ đầu tư phát triển	8.463.866.124	6.730.232.506	4.467.668.706
Quỹ dự phòng tài chính	1.485.067.830	1.509.133.475	1.623.843.940
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.729.875.897	1.356.736.684	1.587.144.825
Tỷ lệ cổ tức/VĐL (%)	17%	14%	14%

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014 đã kiểm toán Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

11.1.6. Tổng dư nợ vay của Công ty:*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	Loại tiền tệ	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Vay và nợ ngắn hạn		137.227.376.908	137.570.490.739	154.480.728.036
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa	VNĐ	2.000.000.000	-	-
Ngân hàng Công thương	VNĐ	99.621.398.209	117.570.490.739	122.816.472.011
Ngân hàng HSBC Hà Nội	USD	8.934.416.793	-	-
Ngân hàng Quốc tế	VNĐ	8.993.712.858	20.000.000.000	31.664.256.025
Vay huy động từ cán bộ công nhân viên	VNĐ	17.677.849.048	-	-
Vay và nợ dài hạn		11.828.358.271	30.702.364.936	34.599.869.169
Vay huy động từ cán bộ công nhân viên	VNĐ	11.828.358.271	30.702.364.936	34.599.869.169
Tổng cộng		149.055.735.179	168.272.855.675	189.080.597.205

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014 đã kiểm toán CTCP Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

Tính đến thời điểm 31/12/2014, Công ty có vay nợ ngắn hạn từ hai ngân hàng thương mại trên địa bàn Thanh Hóa. Đây đều là các khoản vay ngắn hạn với thời hạn tối đa 12 tháng, với mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2014. Mức lãi sẽ được áp dụng cho từng lần nhận nợ.

Khoản mục vay huy động từ cán bộ công nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014 có tổng số 58 hợp đồng vay. Đây là các khoản vay cá nhân với lãi suất huy động thả nổi thấp hơn lãi vay ngân hàng và cao hơn lãi tiền gửi ngân hàng trong năm. Mục đích sử dụng tiền vay là vay để đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm thiết bị, thời hạn vay tùy theo nhu cầu của người cho vay, lãi vay thanh toán khi tất toán hợp đồng vay.

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay:**Các khoản phải thu***Đơn vị: đồng*

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Phải thu của khách hàng	88.887.710.971	80.335.258.816	99.906.852.918	121.652.821.158
Trả trước cho người bán	16.199.848.774	9.486.997.310	6.503.286.096	11.324.375.270
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	218.700.000
Các khoản phải thu khác	2.572.929.211	2.163.348.220	881.213.275	858.910.463
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	107.660.488.956	91.985.604.346	107.291.352.289	134.054.806.891

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng năm 2015 chưa kiểm toán - CTCP Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

Các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có biến động tăng trong năm 2014 sau khi giảm nhẹ trong năm 2013. Điều này chủ yếu là do các khoản phải thu trong chính các chi nhánh của CTCP Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa tăng trong năm 2014, khi mà lần lượt các chi nhánh tại Hải Phòng và Hà Nội có các khoản tăng đáng kể, chỉ tính riêng các chi nhánh tại Hải Phòng và Hà Nội phải thu đã tăng một giá trị đáng kể xấp xỉ 9,3 tỷ đồng. Ngoài ra, các khoản phải thu của Công ty còn xuất phát từ xấp xỉ 70 khách hàng khác nhau và có biến động tăng giảm liên tục trong cả giai đoạn.

Ngoài ra, khoản mục các khoản trả trước cho người bán của Công ty biến động giảm trong giai đoạn, điều này chủ yếu do doanh thu bán hàng của Công ty giảm, đồng nghĩa với việc giá trị các khoản mà Công ty chi cho người bán giảm và các khoản trả trước cho người bán theo đó giảm tương tự.

Các khoản phải trả*Đơn vị: đồng*

CHỈ TIÊU	12/31/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Nợ ngắn hạn	264.201.233.318	263.335.093.290	271.823.392.963	281.814.470.991
Vay và nợ ngắn hạn	137.227.376.908	137.570.490.739	154.480.728.036	173.377.174.217
Phải trả người bán	82.949.648.967	88.649.474.062	85.168.332.990	80.069.102.846
Người mua trả tiền trước	6.269.037.694	3.915.028.822	3.856.909.169	1.697.260.438
Thuế và các khoản phải nộp	1.669.831.070	1.335.982.296	1.917.695.673	1.382.381.280
Phải trả người lao động	8.386.254.826	7.532.689.817	4.647.872.618	3.395.016.910
Các khoản phải trả phải nộp	24.969.207.956	22.974.690.870	20.164.709.652	21.428.602.975
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.729.875.897	1.356.736.684	1.587.144.825	464.932.325
Nợ dài hạn	11.828.358.271	30.702.364.936	34.599.869.169	42.060.328.418
Vay và nợ dài hạn	11.828.358.271	30.702.364.936	34.599.869.169	42.060.328.418
TỔNG CỘNG	276.029.591.589	294.037.458.226	306.423.262.132	323.874.799.409

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng năm 2015 chưa kiểm toán - CTCP Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

Nợ ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng các khoản phải trả của Công ty, trung bình chiếm tới 96,53%. Trong đó, vay và nợ ngắn hạn là khoản mục có giá trị và tỷ trọng cao nhất. Công ty thường xuyên sử dụng các khoản vay và nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, trong năm 2014, Công ty đã vay nợ ngắn hạn số tiền lên tới hơn 154 tỷ đồng và tiếp tục tăng đạt trên 173 tỷ đồng tại thời điểm 30/06/2015.

Nợ dài hạn của Công ty hoàn toàn là các khoản vay cá nhân (huy động từ cán bộ công nhân viên) với lãi suất huy động thả nổi thấp hơn lãi vay ngân hàng và cao hơn lãi tiền gửi ngân hàng trong năm. Công ty sử dụng các khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm thiết bị, thời gian vay tùy theo nhu cầu của người cho vay, lãi vay thanh toán khi tất toán hợp đồng vay. Hiện tại, do chính sách huy động tốt và sự tin tưởng của cán bộ công nhân viên trong Công ty, khoản mục vay và nợ dài hạn của Công ty có biến động tăng trong giai đoạn.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty luôn đạt mức an toàn, trên 1. Hệ số khả năng thanh toán nhanh thì ở mức dưới 1. Nguyên nhân chính là do Công ty tồn đọng quá nhiều hàng tồn kho, luôn chiếm trung bình tới 44,98% tài sản ngắn hạn. Công ty sẽ gặp không ít khó khăn khi thanh toán nợ ngắn hạn đến hạn, do bản chất hoạt động của Công ty luôn tồn lại lượng hàng tồn kho lớn.
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,01	1,00	1,03	1,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,61	0,53	0,53	0,55	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản có dấu hiệu tăng dần trong cả giai đoạn. Cơ cấu vốn của Công ty vẫn đang nghiêng về vay nợ. Điều này hàm chứa nhiều rủi ro thanh toán cho Công ty khi Công ty không thể kịp thời thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn khi đến ngày hoàn trả.
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	69,45%	71,07%	72,28%	72,40%	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	227,37%	245,67%	260,69%	262,30%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					Trong năm 2013, vòng quay hàng tồn kho đang tăng lên khi tốc độ giảm của hàng tồn kho nhanh hơn tốc độ giảm của giá vốn hàng bán, cho thấy hiệu quả sử dụng hàng tồn kho của Công ty đang được cải thiện. Tuy nhiên trong năm 2014, vòng quay HTK giảm mạnh.
+ Vòng quay hàng tồn kho	5,92	6,01	4,67	2,03	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,08	1,97	1,73	0,80	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					Căn cứ bảng số liệu, có thể thấy các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2013 đều giảm so với năm 2012. Điều này là do lợi nhuận sau thuế của Công ty bị giảm mạnh 17,25% so với năm trước. Tuy nhiên, trong năm 2014, tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều được cải thiện. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 11.837.199.637 đồng tăng tới 18,54% so với năm trước đó.
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	1,55%	1,23%	1,62%	1,93%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở	10,55%	8,34%	10,07%	5,56%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài	3,22%	2,41%	2,79%	1,53%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/ Doanh thu	1,65%	1,51%	1,82%	2,21%	
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1.887	1.471	1.744	1.011	

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 và 2014 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng năm 2015 chưa kiểm toán - CTCP Dược - Vật tư Y tế Thanh Hóa)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:**12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:**❖ **Ông Lương Văn Sơn - Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên	Lương Văn Sơn
Ngày tháng năm sinh	26/01/1948
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tượng Sơn, Nông Cống, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sỹ Chuyên khoa II
Chức vụ đang nắm giữ	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Từ năm 1971 đến nay công tác trong ngành Dược Trong đó từ tháng 5 năm 1983 đến nay làm Giám đốc Công ty Dược; Công ty Dược Vật tư y tế Thanh Hoá và Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Thanh Hoá
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	45.251 cổ phần, tương ứng 0,67%
- Đại diện sở hữu vốn SCIC	1.482.110 cổ phần, tương ứng 21,82%
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	8.072 cổ phần, tương ứng 0,12%
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Trịnh Đăng Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Trịnh Đăng Hùng
Ngày tháng năm sinh	20/05/1962
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Quê quán	Định Tường, Yên Định, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sỹ chuyên khoa I
Chức vụ đang nắm giữ	Phó CT. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<p>Từ tháng 2/1988 đến nay công tác tại Công ty Dược vật tư y tế Thanh Hoá nay là Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Thanh Hoá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 2/1988 đến tháng 11/2001 Nhân viên bán hàng tại Công ty Dược vật tư y tế Thanh Hoá - Từ tháng 12/2001 đến tháng 4/2002: Tổ trưởng tổ thị trường - Từ tháng 5/2002 đến tháng 04/2006: Làm phó và làm trưởng phòng KHKD thị trường - Công ty CP Dược vật tư y tế Thanh Hoá - Từ tháng 05/2006 đến tháng 7/2008: Giám đốc kinh doanh kiêm trưởng phòng KHKD TT - Từ tháng 8/2008 đến tháng 4/2013: TV HĐQT, Phó TGĐ công ty. - Từ tháng 5/2013 đến nay: Phó CT. HĐQT – Phó TGĐ Công ty
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	66.804 cổ phần, tương ứng 0,98%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	144.846 cổ phần, tương ứng 2,13%
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không

❖ **Bà Phạm Thị Hồng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Phạm Thị Hồng
Ngày tháng năm sinh	19/02/1958
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tiên Lữ, Hưng Yên

Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân KT
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1978 đến năm 1980: tham gia đoàn công tác Bộ tài chính cải tạo công thương các tỉnh phía Nam. - Từ năm 1981 đến năm 1990: nhân viên phòng kế toán XN Dược Thanh Hóa - Từ năm 1990 đến năm 1993: nhân viên phòng kế hoạch sản xuất của xí nghiệp dược Thanh Hóa - Từ năm 1993 đến 1998: Kế toán trưởng xí nghiệp dược Thanh Hóa - Từ năm 1998 đến 2002: Kế toán trưởng công ty CP Dược vật tư y tế Thanh Hóa - Từ tháng 12/2002 đến tháng 4/2013: Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng công ty cổ phần dược VTYT Thanh Hóa. - Từ tháng 5/2013 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	44.251 cổ phần, tương ứng 0,65%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	19.787 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Cao Văn Bốn – Thành viên HĐQT, kiêm Trưởng Phòng KHSX

Họ và tên	Cao Văn Bốn
Ngày tháng năm sinh	01/02/1961
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ chuyên khoa I

Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng KHSX
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Từ năm 5/1985 đến nay công tác trong ngành Dược, và trong thời gian đó được chuyển nhiều đơn vị công tác : + 5/1985 - 8/1986 : Công tác tại Hiệu thuốc huyện Lang Chánh + 9/1986 - 8/1989 : Lệnh điều động vào Quân đội theo luật sĩ quan dự bị, Công tác tại Ban Quân y Sư đoàn 324-QK4 + 9/1989 – 6/1999 : Công tác tại Hiệu thuốc H.Ngọc Lặc và H.Lang Chánh, (từ tháng 2/1993-6/1999 là chủ nhiệm hiệu thuốc H.Lang chánh) + Từ 7/1999 đến nay công tác tại các phòng ban của Công ty
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	28.243 cổ phần, tương ứng 0,42%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Trương Văn Thành – Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng KHKD.**

Họ và tên	Trương Văn Thành
Ngày tháng năm sinh	05/05/1974
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không

Quá trình công tác	<p>Từ tháng 2/2002 đến nay công tác tại Công ty dược vật tư y tế Thanh Hoá nay là Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thanh Hoá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 2/2002 đến tháng 3/2006 Nhân viên Phòng Thị trường Công ty Dược vật tư y tế Thanh Hoá - Từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 12/2011: Phó phòng KHKD - Thị trường - Từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 4/2013: Trưởng phòng KHKD.. - Từ tháng 5/2013 đến nay: Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Marketing
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	126.943 cổ phần, tương ứng 1,87%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	114.609 cổ phần, tương ứng 1,69%
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:**❖ Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Nguyễn Văn Tuấn
Ngày tháng năm sinh	24/10/1974
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<p>Từ năm 1994 đến nay công tác tại Công ty Dược Thanh Hóa nay là Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Thanh Hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1994 đến 1998: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính. - Từ 1998 đến 2009: Nhân viên phòng Kế toán. - Từ năm 2009 đến 2010: Phó phòng phụ trách phòng Tổ chức hành chính. - Từ năm 2010 đến 2012: Phó phòng Tổ chức hành chính, Thư ký Tổng giám đốc, Thư ký Hội đồng quản trị. - Từ tháng 9 năm 2012 đến nay: Chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty. - Từ tháng 4 năm 2013 được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Công ty.
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	10.368 cổ phần, tương ứng 0,15%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Văn Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Văn Tâm
-----------	----------------

Ngày tháng năm sinh	21/08/1961
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ chuyên khoa I
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1984 đến 1988: Quân y viện 4 quân đoàn 4 Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh. - Từ tháng 1988 đến 1990 : Nhân viên hiệu thuốc Huyện Thường Xuân Thanh Hoá - Từ 1990 đến 1997: Nhân viên hiệu thuốc thành phố Thanh Hoá - Từ 1997 đến 1999: Trưởng ban Thanh tra Công ty dược VTYT Thanh Hoá - Từ 1999 đến 2006: Giám đốc chi nhánh Công ty CP dược VTYT Thanh Hoá tại Thành Phố Hà Nội - Từ 2006 đến nay: Phó phòng kế hoạch kinh doanh kiêm công tác Thanh tra
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	39.449 cổ phần, tương ứng 0,58%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Hà Văn Đài – Ủy viên Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc chi nhánh**

Họ và tên	Hà Văn Đài
Ngày tháng năm sinh	24/12/1972
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hoa Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa

Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- Tháng 11/1991: Công tác tại Hiệu thuốc Hậu Lộc - Tháng 12/2002 đến tháng 3/2007: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Hậu Lộc - Tháng 4/2007 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Thanh Hoá- Giám đốc CN Dược Hậu Lộc
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	32.728 cổ phần, tương ứng 0,48%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

❖ **Bà Phạm Thị Hồng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Xem phần 11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

❖ **Ông Trịnh Đăng Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Xem phần 11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

❖ **Ông Khương Văn Nghi – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Khương Văn Nghi
Ngày tháng năm sinh	14/08/1952
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10

Trình độ chuyên môn	Dược sĩ chuyên khoa I
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1975 đến 1989: Công tác tại trạm nghiên cứu Dược liệu thuộc Sở y tế Thanh Hoá. - Từ năm 1990 đến nay: Công tác tại Công ty Dược Thanh Hoá nay là Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hoá. - Từ năm 2003 đến 2008 : Phó Tổng giám đốc công ty - Từ năm 2008 đến tháng 3/2013: Thành viên HĐQT, Phó TGD - Từ 3/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc công ty
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	25.120 cổ phần, tương ứng 0,37%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Lê Văn Ninh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Lê Văn Ninh
Ngày tháng năm sinh	01/01/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ chuyên khoa I
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không

Quá trình công tác	<p>Từ năm 1987 đến nay công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm nay là Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Thanh Hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1987 đến 1994: Nhân viên Xí nghiệp dược phẩm - Từ 1994 đến 1996: Kiểm nghiệm viên phòng kiểm nghiệm - Từ năm 1996 đến 2006: Phó, Trưởng phòng kiểm tra chất lượng. - Từ năm 2006 đến 4/2008: Giám đốc chất lượng kiêm Tp. ĐBCL - Từ 4/ 2008 đến 4/2013: làm Trưởng ban kiểm soát Công ty. - Từ 4/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	14.968 cổ phần, tương ứng 0,22%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

12.4. Kế toán trưởng:

❖ Bà Mai Thị Hiệp – Kế toán trưởng Công ty

Họ và tên	Mai Thị Hiệp
Ngày tháng năm sinh	08/06/1961
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không

Quá trình công tác	- Từ 1981 đến 1990: Nhân viên kế toán Công ty giống cây trồng Hà Trung. - Từ tháng 5/1990 : Kế toán Xí nghiệp Dược; Kế toán Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Thanh Hoá - Từ tháng 12/2002 đến 4/2013: Thành viên ban kiểm soát. - Từ 5/2013 đến nay: Kế toán trưởng Công ty
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	14.998 cổ phần, tương ứng 0,22%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

13. Tài sản:

Đất đai doanh nghiệp đang sở hữu hoặc đi thuê tại thời điểm 30/06/2015:

TT	Mục đích sử dụng	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý
I	Thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm		
1	Xây trụ sở công ty, tổng kho, quầy kinh doanh thuốc	2.027	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 03/01/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thuê đất cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa tại P.Lam Sơn, Tp.Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 77/HĐ/TĐ ngày 16/6/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
2	Văn phòng làm việc, kho quầy kinh doanh hiệu thuốc y học dân tộc, trung tâm dược phẩm, khám chữa bệnh	392,2	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 03/01/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thuê đất cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa tại P.Lam Sơn, Tp.Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 75/HĐ/TĐ ngày 16/6/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.

3	Trung tâm bán buôn thuốc tân dược	988	Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 22/09/2005 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại P.Ngọc Trạo, Tp.Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ/TĐ ngày 16/6/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
4	Văn phòng làm việc, xưởng sản xuất, kho kiểm nghiệm	14.300	Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại P.Ngọc Trạo, Tp.Thanh Hóa. Hiện tại theo thông báo trả tiền thuê đất hàng năm của Cục thuế thì Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm cho lô đất này.
5	Quầy kinh doanh các mặt hàng Dược vật tư y tế	198,5	Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại P.Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Với diện tích sử dụng là 198,5m ² theo hợp đồng thuê đất số 04/HĐTĐ ngày 10/01/2013 và Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
6	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	544	Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 12/04/2001 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại P.Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ngày 18/01/2007 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
7	Nhà máy sản xuất Dược phẩm GMP-WHO	10.023	Quyết định số 4557/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc ga, Tp.Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 16/HĐTĐ ngày 19/01/2010 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
8	Nhà làm việc, kho, quầy kinh doanh hiệu thuốc tuyến 4	192,5	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 03/01/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thuê đất cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa tại xã Quảng Thắng, Tp.Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 97/HĐ/TĐ ngày 11/7/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.

9	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	350	Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 15/05/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại Xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 123/HĐTĐ ngày 11/09/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
10	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	509	Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 15/05/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 124/HĐTĐ ngày 11/09/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
11	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	74	Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 08/05/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 125/HĐTĐ ngày 11/09/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
12	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	823,6	Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 25/05/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Quan Hóa, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 121/HĐTĐ ngày 11/09/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
13	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	363,8	Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 06/07/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất ngày 13/12/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
14	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	157	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 10/01/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thuê đất cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa tại thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 74/HĐ/TĐ ngày 16/6/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.

15	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	300	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 10/01/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thuê đất cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa tại thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 71/HĐ/TĐ ngày 16/6/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
16	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	294	Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 10/01/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thuê đất cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa tại thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 92/HĐ/TĐ ngày 11/7/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
17	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	443	Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 26/05/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 122/HĐTĐ ngày 11/09/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
18	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	407,7	Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 29/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
19	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	312,5	Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 11/07/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
20	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	100	Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTĐ ngày 18/01/2007 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.

21	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	526,5	Quyết định số 4248/QĐ-UBND ngày 28/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 98/HĐTĐ ngày 11/07/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
22	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	409	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 91/HĐTĐ ngày 11/07/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
23	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	420	Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 02/11/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại theo thông báo trả tiền thuê đất hàng năm của Cục thuế thì Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm cho lô đất này.
24	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	269	Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 73/HĐTĐ ngày 16/06/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
25	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	900	Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 29/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 96/HĐTĐ ngày 11/07/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
26	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	140	Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 11/08/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 176/HĐTĐ ngày 04/12/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.

27	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	509	Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 17/01/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 19/HĐTĐ ngày 18/01/2007 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
28	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	400	Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 28/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 90/HĐTĐ ngày 11/07/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
29	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	477	Quyết định số 4247/QĐ-UBND ngày 28/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 93/HĐTĐ ngày 11/07/2006 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
30	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	284	Vị trí đất tại thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐTĐ ngày 18/07/2007 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
31	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	286	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa thuê đất tại thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 160/HĐTĐ ngày 03/08/2011 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.
32	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm	74,5	Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc gia hạn thuê đất cho Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa tại xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Hợp đồng thuê đất số 226/HĐ/TĐ ngày 09/12/2009 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty. Hiện tại, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm.

33	Xây dựng kho, văn phòng, dịch vụ thương mại kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế	3.387	Hợp đồng thỏa thuận số 11/HĐTT ngày 22/05/2009 về việc chuyển nhượng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương giữa Công ty TNHH Nam Khải và Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa
Cộng		40.881,8	
II Đất sở hữu lâu dài của Công ty			
1	Chi nhánh Đà Nẵng tại Phường Hòa Hiệp Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	241	Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa nhận chuyển nhượng của cá nhân (công ty mua) theo Hợp đồng được Phòng Công chứng số 1 Tp. Đà Nẵng công chứng số 8870 ngày 06/08/2010 theo Giấy CNQSDĐ số AQ 040756 ngày 18/11/2009 được cấp bởi UBND Tp. Đà Nẵng.
2	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại 18/06 Đường C12 Phường 13 Quận Tân Bình, Tp.HCM	100,4	Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa nhận chuyển nhượng của cá nhân (công ty mua) theo Hợp đồng số 38852/HĐ-MBN ngày 31/10/2006 theo Giấy CNQSDĐ ngày 27/09/2001 được cấp bởi UBND Tp.HCM
3	Cửa hàng kinh doanh dược phẩm tại Xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	199,5	Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa nhận chuyển nhượng (công ty mua) theo Giấy CNQSDĐ số BB 538386 ngày 20/09/2011 được cấp bởi UBND Tp.Hải Phòng
Cộng		540,9	
Tổng cộng		41.422,7	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo:

Chỉ tiêu	Năm 2015	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần	800.000.000.000	9,18%
Lợi nhuận trước thuế	16.500.000.000	9,60%
Lợi nhuận sau thuế	12.870.000.000	8,73%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2%	-0,42%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19%	8,73%
Cổ tức	14%	0,00%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015- CTCP Dược-Vật tư Y tế Thanh Hóa)

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên: (Nguồn Nghị quyết và biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần Dược – Vật tư y tế Thanh Hóa)

Năm 2015, Công ty dự kiến tăng trưởng doanh thu nhờ thực hiện tốt hơn nữa công tác PR,

đặc biệt quảng cáo mạnh đối với sản phẩm đông dược, cùng với đó là việc tích cực chỉ đạo phát huy sản xuất của 2 nhà máy, đặc biệt đối với Nhà máy sản xuất thuốc đông dược, đồng thời tiến tới việc triển khai phát triển các vùng nuôi trồng dược liệu và thực hiện chủ trương tiết giảm các khoản chi phí không cần thiết.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam nhận định rằng trong thời gian sắp tới, Công ty vẫn duy trì được các nguồn doanh thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh và có khả năng tiếp tục đạt lợi nhuận tốt như kì vọng. Theo đó, kế hoạch chia cổ tức của Công ty là hợp lý và có khả năng thực hiện cao.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: Không có.

VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số cổ phiếu chào bán:** **1.482.110 cổ phiếu**
4. **Giá khởi điểm:** **18.600 đồng/cổ phiếu**
5. **Giá trị lô cổ phần chào bán tính theo giá khởi điểm: 27.567.246.000 đồng**
6. **Phương thức phân phối:**

Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần ra công chúng qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Theo đó, nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán (1.482.110 cổ phiếu). Nhà đầu tư trả giá cao nhất sẽ được mua toàn bộ lô cổ phần, trường hợp có từ 2 nhà đầu tư trở lên trả giá cao nhất bằng nhau thì sẽ lựa chọn nhà đầu tư được mua lô cổ phần theo Quy chế chào giá cạnh tranh do Sở GDCK Hà Nội ban hành.

7. **Thời gian phân phối cổ phiếu:** Theo Quy chế đấu giá cả lô cổ phần của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật, dự kiến trong Quý III/2015.

8. **Đăng ký mua cổ phiếu:**

Theo Quy chế đấu giá cả lô cổ phần của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

9. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty. Hiện nay, cá nhân và tổ chức nước ngoài không nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa. Do đó không có giới hạn cho cá nhân và tổ chức nước ngoài đối với đợt chào bán này.

10. **Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:** Không có.

11. **Các loại thuế có liên quan:** Theo quy định của pháp luật

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương của SCIC tại doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phiếu.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

CÔNG TY ĐƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Địa chỉ: Số 232 Đường Trần Phú, P.Lam Sơn, Tp.Thanh Hóa

Điện thoại: (08-03) 7385 2286

Fax: (84-03) 7385 5209

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

Điện thoại: (84-04) 3573 0073

Fax: (84-04) 3573 0088

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Địa chỉ: Tầng 14 tòa nhà SUDICO, Mễ Trì, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-04) 3868 9566/88

Fax: (84-04) 3868 6248

TỔ CHỨC CHÀO BÁN:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH

Địa chỉ: Số 117 đường Trần Duy Hưng, p.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-04) 3824 0703

Fax: (84-04) 6278 0136

IX. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa chịu trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

Báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa là báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Báo cáo tài chính thời điểm 30/06/2015 của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa là báo cáo tài chính do Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa tự lập, chưa được kiểm toán.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch và Quy chế đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước không có trách nhiệm trong trường hợp Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
VỐN NHÀ NƯỚC**



Bà: Nhữ Thị Hồng Liên

Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ
THANH HÓA**



Bà: Phạm Thị Hồng

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**



Ông: Đoàn Ngọc Hoàn

Tổng Giám đốc